

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày: 12-9-2023.

“ *V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *TH phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử trước khi mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1993 (*có mặt*).

Nơi thường trú: Thôn NV, xã BP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
Chỗ ở hiện nay: Thôn NH, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nông Văn H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn NH, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày:*

Khoảng tháng 02 năm 2022 (ngày cụ thể thì bà không nhớ) anh Nông Văn

H, sinh năm 1991; trú tại: Thôn NH, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang có lên xem đồi cây gỗ keo và cây gỗ bồ đề (đồi cây đã được Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278749 ngày 07/3/2007, cấp cho hộ ông Ma Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Hà Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ thửa đất: Pù Vần, Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; diện tích 17.200 m²).

Chồng bà là Ma Văn Đ đã chết vào năm 2017; đồi cây do vợ, chồng bà trồng đầu năm 2017 và cùng nhau chăm sóc, sau khi chồng bà chết chỉ có mình bà chăm sóc đồi cây, bà có 02 con trai tên là Ma Văn Q, sinh năm 1994 và Ma Văn T, sinh năm 1995 bà xác định hai con của bà sau khi học hết lớp 12 thì đi làm công nhân ở ngoài địa phương, không có công sức đóng góp gì.

Sau khi anh H xem đồi cây được một thời gian thì anh H gọi điện thoại cho bà trao đổi về việc mua bán đồi cây. Quá trình trao đổi bà và anh H thỏa thuận bà bán đồi cây cho anh H với số tiền là 95.000.000 đồng, việc chi phí mở đường và các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển gỗ do anh H tự chịu. Việc thỏa thuận mua bán giữa bà và anh H không lập giấy tờ gì, mà chỉ trao đổi bằng miệng. Bà và anh H không hẹn ngày khai thác và không hẹn ngày trả tiền, sau khi anh H khai thác được ba ngày thì bà mới biết anh H và anh Đ đã khai thác đồi cây của bà và bà đồng ý cho anh H và anh Đ tiếp tục khai thác. Khi thỏa thuận mua bán cây bà không biết anh H và anh Triệu Văn Đ mua chung và cùng nhau khai thác, đến khi anh H thuê máy cuốc để cuốc đường vận chuyển cây thì bà mới biết anh Đ và anh H mua chung đồi cây của bà. Đến khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2022 sau khi anh Đ và anh H khai thác cây được một thời gian bà nhiều lần yêu cầu anh H và anh Đ trả tiền thì anh Đ mới trả cho bà được số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó bà tiếp tục đòi tiền anh Đ nhưng anh Đ không trả, đến ngày 03/8/2022 anh Triệu Văn Đ trực tiếp viết Giấy khất nợ và hẹn khi nào khai thác xong đồi cây anh Đ sẽ trả hết số tiền 45.000.000 đồng cho bà. Sau khi viết giấy khất nợ bà đã nhiều lần gặp anh Đ và anh H để đòi số tiền 45.000.000 đồng nhưng anh Đ và anh H không khai thác tiếp đồi cây với lý do Kiểm lâm đình chỉ không cho khai thác nên không trả tiền cho bà.

Bà xác định việc bà bán đồi cây cho anh H, còn anh Đ là người trực tiếp trả tiền cho bà số tiền 50.000.000 đồng. Anh H, anh Đ cùng thực hiện việc khai thác đồi cây nên bà yêu cầu anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại là 45.000.000 đồng cho bà. Chia ra anh H phải trả cho bà số tiền 22.500.000 đồng; anh Đ phải trả cho bà số tiền 22.500.000 đồng; đối với số cây còn lại bà vẫn nhất trí cho anh H và anh Đ tiếp tục khai thác còn nếu anh H, anh Đ không khai thác thì vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn nợ cho bà vì theo thỏa thuận ban đầu bà bán hết cả đồi cây cho H.

- *Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Triệu Văn Đ trình bày:*

Khoảng tháng 04/2022 anh Nông Văn H đi xem đồi cây của bà Hà Thị H; địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, sau đó anh H có

trao đổi qua điện thoại với bà H về việc mua bán đồi cây, gồm có cây keo và cây bồ đề với giá là 95.000.000 đồng, việc chi phí mở đường và các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển gỗ do anh và anh H tự chịu, hai bên đồng ý, việc thỏa thuận trên không lập tH biên bản. Sau khi anh và anh H đã khai thác được 1/3 diện tích đồi cây và vận chuyển được gần hết số cây đã khai thác thì giữa bà H và bà Hoàng Thị Hè; địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa xảy ra tranh chấp đất đai nên anh Cương là cán bộ Kiểm lâm phụ trách xã Yên Lập và anh Dự cán bộ địa chính xã Yên Lập đến lập biên bản làm việc và đình chỉ (có lập biên bản nhưng do sơ suất anh đã làm mất) không cho anh và anh H khai thác tiếp phần cây còn lại. Sau khi anh Cương lập biên bản còn lại một phần cây đã khai thác không vận chuyển được để lại trên đồi, hiện nay số cây này đã mục và hư hỏng, số cây còn lại hiện anh và anh H không khai thác được. TH phần tham gia khi anh Cương lập biên bản làm việc gồm có anh Dự cán bộ địa chính xã, anh, anh H, bà Hè, tại buổi làm việc hôm đó thì bà H không tham gia.

Việc thỏa thuận mua bán đồi cây giữa anh, anh H và bà H với số tiền 95.000.000 đồng trong đó không bao gồm cả tiền lối đi khai thác. Theo thỏa thuận như vậy thì anh và anh H phải bỏ chi phí mở lối đi để khai thác cây. Lối đi vận chuyển số gỗ từ đồi cây nhà bà H có qua đất rừng của gia đình ông Ma Văn Dương và bà Hoàng Thị Như. Khi bà H và bà Hè xảy ra tranh chấp đất nên anh và anh H đã thỏa thuận trả cho gia đình ông Dương và bà Như số tiền đi nhờ qua đất nhà ông Dương và bà Như là 1.500.000 đồng. Sau khi bán được số cây trên anh đã trực tiếp trả cho bà H số tiền là 50.000.000 đồng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt, còn nợ bà H số tiền là 45.000.00 đồng. Đến ngày 03/8/2022 anh trực tiếp viết Giấy khất nợ và hẹn khi nào khai thác xong đồi cây anh và anh H sẽ trả nốt số tiền 45.000.000 đồng cho bà H. Sau đó anh và anh H đã nhiều lần lên khai thác tiếp nhưng Hè báo Kiểm lâm, ngăn cản không cho anh và anh H khai thác.

Anh và anh H đã nhiều lần trao đổi với bà H về việc giải quyết xong việc tranh chấp với bà Hè để anh và anh H khai thác hết số cây còn lại trên đồi thì sẽ trả tiền cho bà H, do việc tranh chấp đất giữa bà H và bà Hè chưa giải quyết được dứt điểm, do đó anh và anh H không khai thác được nên anh và anh H chưa thanh toán nốt số tiền còn lại cho bà H.

Nay bà Hà Thị H yêu cầu anh và anh H phải trả số tiền 45.000.000 đồng, mỗi người là 22.500.000 đồng anh hoàn toàn nhất trí trả cho bà H nhưng với điều kiện bà H phải giải quyết được việc tranh chấp đất đai để anh và anh H khai thác, sau khi khai thác xong anh và anh H sẽ trả tiền cho bà H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn H trình bày:*

Khoảng tháng 04/2022 anh là người trực tiếp đi xem đồi cây của bà Hà Thị H; địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và có trao đổi qua điện thoại với bà H về việc mua bán đồi cây gồm có cây keo và bồ đề với giá là 95.000.000 đồng, việc mua bán không lập giấy tờ. Sau khi anh và anh Đ đã khai thác được 1/3 diện tích đồi cây và vận chuyển được gần hết cây đã khai thác

thì giữa bà H và bà Hoàng Thị Hè; địa chỉ: Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa xảy ra tranh chấp đất đai nên anh Cương là cán bộ Kiểm lâm phụ trách xã Yên Lập và anh Dự cán bộ địa chính xã Yên Lập đến lập biên bản làm việc và đình chỉ không cho khai thác tiếp số cây còn lại. Sau khi anh Cương lập biên bản còn lại một phần cây đã khai thác không vận chuyển được để lại trên đồi, hiện nay số cây này đã mục và hư hỏng, số cây còn lại chưa khai thác hiện anh và anh Đ không khai thác được do bà Hè gây khó khăn.

Việc thỏa thuận mua bán đồi cây giữa anh và bà H với số tiền 95.000.000 đồng trong đó không bao gồm cả tiền lối đi khai thác. Theo thỏa thuận như vậy thì việc mở đường để vận chuyển và các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển gỗ do anh và anh Đ tự chịu trách nhiệm, hai bên đồng ý. Lối đi vận chuyển số gỗ từ đồi cây nhà bà H có qua đất vườn rừng của gia đình ông Ma Văn Dương và bà Hoàng Thị Như, sau khi bà H và bà Hè xảy ra tranh chấp đất, anh và anh Đ đã thỏa thuận trả cho gia đình ông Dương và bà Như số tiền đi nhờ qua đất nhà ông Dương và bà Như là 1.500.000 đồng. Sau khi bán được cây anh Đ đã trực tiếp trả cho bà H số tiền là 50.000.000 đồng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt, còn nợ bà H số tiền là 45.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2022 anh Đ trực tiếp viết Giấy khất nợ và hẹn khi nào khai thác xong đồi cây sẽ trả hết số tiền 45.000.000 đồng cho bà H. Sau đó anh và anh Đ đã nhiều lần lên khai thác nhưng bà Hè báo Kiểm lâm, ngăn cản không cho anh và anh Đ khai thác.

Anh và anh Đ đã nhiều lần trao đổi với bà H về việc giải quyết xong việc tranh chấp đất với bà Hè để anh và anh Đ khai thác hết số cây còn lại thì sẽ trả tiền cho bà H, do bà H và bà Hè chưa giải quyết tranh chấp đất xong nên anh và anh Đ không khai thác được. Do vậy anh và anh Đ chưa thanh toán nốt số tiền còn lại cho bà H.

Nay bà Hà Thị H yêu cầu anh và anh Đ phải trả số tiền 45.000.000 đồng, mỗi người là 22.500.000 đồng anh hoàn toàn nhất trí nhưng với điều kiện bà H phải giải quyết được việc tranh chấp đất đai để anh và anh Đ khai thác, sau khi khai thác xong sẽ trả tiền cho bà H.

Tại phiên tòa bà Hà Thị H yêu cầu anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H cùng phải có nghĩa vụ trả cho bà số 45.000.000 đồng (anh Đ và anh H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 22.500.000 đồng) và khai thác hết số cây còn lại để bà trồng cây vụ mới. Do hiện nay số cây đã khai thác bị hỏng chưa vận chuyển được nên bà H hỗ trợ cho anh Đ và anh H 5.000.000 đồng. Bà H yêu cầu anh Đ và anh H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng.

Anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H cùng trình bày do số cây sau khi khai thác không vận chuyển được, hiện đã mục và hư hỏng, do vậy anh chỉ nhất trí trả cho bà H số tiền 35.000.000 đồng và bà H phải có trách nhiệm trao đổi với bà Hoàng Thị Hè để anh Đ và anh H khai thác hết số cây còn lại mới có tiền thanh toán cho bà H.

** Người làm chứng ông Ma Văn Dương trình bày: Anh H và anh Đ có mua*

đồi keo của gia đình bà H, do không có đường đi nên anh H có đến gia đình ông thỏa thuận cho vận chuyển gỗ qua diện tích vườn rừng của gia đình ông, anh H và anh Đ thỏa thuận trả cho gia đình ông 1.500.000 đồng. Quá trình khai thác gỗ anh H và anh Đ đã vận chuyển gỗ qua diện tích đất của gia đình ông và khai thác gần hết đồi cây nhưng anh H và anh Đ vẫn chưa trả cho ông số tiền theo thỏa thuận nên ông không nhất trí cho anh H và anh Đ vận chuyển qua diện tích đất của gia đình ông nữa.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị H1 trình bày: Diện tích đồi cây bà H bán cho anh H và anh Đ có nguồn gốc là của bố mẹ chồng bà cho vợ chồng bà sử dụng từ năm 1990 đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp với gia đình bà H1 (bà Hoàng Thị H1 không có giấy tờ gì để chứng minh diện tích đất đó của gia đình bà). Bà H1 xác định số cây trên đất do bà H và ông Đ trồng, bà yêu cầu bà H trả lại diện tích đất đang có tranh chấp cho bà thì bà H mới được bán cây cho anh H và anh Đ.

Biên bản xác minh tại Thôn NL, xã YL xác nhận: Bà Hà Thị H có bán đồi cây cho anh H và anh Đ với giá 95.000.000 đồng, anh Đ đã trả cho bà H được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 45.000.000 đồng. Anh H và anh Đ đã khai thác được khoảng 4/5 số cây trong vườn, còn lại một phần anh H và anh Đ chưa vận chuyển được. Lý do anh H, anh Đ không vận chuyển được là do anh H và anh Đ không thanh toán tiền mở lối đi qua diện tích đất vườn gia đình bà Như theo thỏa thuận, nên bà Như rào đường không cho vận chuyển gỗ qua.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ, quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 119, 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H, buộc anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua đồi cây cho bà Hà Thị H là 40.000.000^d (Bốn mươi triệu đồng). Chia ra:

- Anh Triệu Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

- Anh Nông Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Hà Thị H được chấp nhận nên anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Hà Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Hà Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H có nghĩa vụ trả số tiền mua đồi cây còn tH. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Bị đơn anh Triệu Văn Đ đăng ký thường trú tại thôn NV, xã BP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về việc yêu cầu anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H có nghĩa vụ trả số tiền mua đồi cây còn tH là 45.000.000 đồng, tại phiên tòa bà H yêu cầu anh H và anh Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng, bà nhất trí hỗ trợ 5.000.000 đồng cho anh H và anh Đ (do số cây đã khai thác không vận chuyển đi được đã bị mục, hư hỏng). Xét thấy tại phiên tòa bà H yêu cầu anh Đ và anh H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng và tự nguyện hỗ trợ 5.000.000 đồng cho anh Đ và anh H là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện 40.000.000 đồng của bà Hà Thị H.

Theo hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Sau khi xem xét đồi cây của bà H, anh H đã gọi điện thỏa thuận mua đồi cây của bà H với số tiền là 95.000.000 đồng (đồi cây đã được Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278749 ngày 07/3/2007, cấp cho hộ ông Ma Văn Đồi, sinh năm 1967 và bà Hà Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ thửa đất: Pù Vần, Thôn NL, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; diện tích 17.200 m²). Khi trao đổi mua bán đồi cây anh H có thỏa thuận về chi phí mở đường và khai thác vận chuyển gỗ do phía anh H tự chịu. Mặc dù việc giao kết hợp đồng mua bán đồi cây keo và cây bồ đề giữa bà Hà Thị H và anh Nông Văn H bằng lời nói, nhưng anh H và anh Đ cùng nhau khai thác đồi cây của bà H, đã tiến H khai thác được 2/3 đồi cây là đúng thực tế, sau khi khai thác anh Triệu Văn Đ là người trực tiếp thanh toán cho bà H số tiền 50.000.000 đồng, số tiền 45.000.000 đồng còn lại ngày 03/8/2022 anh Đ là người trực tiếp viết giấy khát nợ hẹn khi nào khai thác xong đồi cây sẽ thanh toán đầy đủ cho bà H.

Kể từ khi viết giấy khát nợ đến nay, bà H đã nhiều lần yêu cầu anh Đ và anh H thanh toán số tiền 45.000.000 đồng nhưng anh Đ và anh H không thanh toán.

Việc vận chuyển gỗ qua đất vườn rừng của gia đình ông Ma Văn ông Dương và bà Hoàng Thị Như (bà Như là em gái của chồng bà Hè), khi biết bà H và bà Hè tranh chấp đất đai đối với diện tích đất đồi cây anh H và anh Đ mua của bà H nên bà Như không cho anh H và anh Đ vận chuyển gỗ qua. Tuy nhiên lời khai của ông Ma Văn Dương thể hiện việc ông không cho anh H và anh Đ vận chuyển gỗ qua diện tích đất vườn rừng của gia đình ông là do anh H và anh Đ không thanh toán tiền đường đi theo thỏa thuận giữa anh H, anh Đ và ông. Lời khai của bà Hoàng Thị Hè xác định số cây trên đất đang tranh chấp là do bà H và ông Đ trồng, không phải do bà trồng. Do bà H tranh chấp đất đai với bà nên yêu cầu bà H trả lại diện tích đất cho bà, bà mới nhất trí cho anh Đ và anh H khai thác.

Anh Đ và anh H cho rằng khi các anh thuê người đến khai thác số gỗ còn lại thì bà Hè báo Kiểm lâm đến lập biên bản làm việc và đình chỉ không cho anh Đ và anh H khai thác. Kết quả xác minh tại Trạm Kiểm lâm Đầm Hồng xác nhận: Sau khi nhận được tin báo của bà Hoàng Thị H1, công dân Thôn NL, xã YL, Kiểm lâm phụ trách địa bàn đã phối hợp cùng công chức Địa chính nông lâm nghiệp xã đến hiện trường kiểm tra, khi đến hiện trường thấy lâm sản anh Đ và anh H khai thác là gỗ rừng trồng do đó ông C nhắc nhở anh H và anh Đ xem xét vấn đề tranh chấp giữa bà H và bà H1 sau đó hãy khai thác, tránh mất việc của anh em. Tổ công tác không tiến hành lập biên bản đình chỉ khai thác vì căn cứ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 27/2018/TTBNN&PTNT ngày 16/11/2018 Thông tư quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản: Chủ rừng tự quyết định việc khai thác, sau khi khai thác, chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản, không có quy định phải báo cáo kiểm lâm. Thực tế thì anh H và anh Đ đã khai thác được 2/3 số cây gỗ trong vườn rừng và vận chuyển gần hết số gỗ đã khai thác.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất vườn rừng của bà Hà Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278749 ngày 07/3/2007, cấp cho hộ ông Ma Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Hà Thị H, sinh năm 1971, do vậy bà có quyền bán lâm sản trên diện tích đất đã được cấp, bà H1 cũng thừa nhận số cây trên là do gia đình bà H trồng. Việc anh H thỏa thuận mua đồi cây của bà H là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên quá trình khai thác không vận chuyển được gỗ là do anh H và anh Đ không thanh toán tiền đường đi cho ông D, bà Nh, nên ông D và bà Nh không cho anh H và anh Đ vận chuyển gỗ qua. Do đó, căn cứ các Điều 119, 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H, buộc anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 40.000.000^d (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), chia ra :

Anh Triệu Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

Anh Nông Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: "*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho*

đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

[4] *Về án phí:* Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của bà Hà Thị H được chấp nhận nên anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Hà Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 119, 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của bà Hà Thị H.

Buộc anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*), chia ra :

Anh Triệu Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

Anh Nông Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị H số tiền là 20.000.000 đồng.

- Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".*

- Về án phí: Anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng, chia ra anh Triệu Văn Đ và anh Nông Văn H mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng.

Bà Hà Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Hà Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006119 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi H án dân sự huyện Chiêm Hóa.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi H án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ